

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32313/CTHN-TTHT

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2022

*V/v chính sách thuế TNCN
đối với cá nhân không cư trú*

Kính gửi: Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản
(Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, Láng Thượng, Đống
Đa, Hà Nội - MST: 0105248669)

Ngày 21/06/2022, Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 22.027/JSI-CV ngày 17/06/2022 của Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản (sau đây gọi tắt là Công ty) vướng mắc về chính sách thuế TNCN đối với cá nhân không cư trú. Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Luật thuế TNCN số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007 của Quốc hội (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012 và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014):

+ Tại Điều 2 quy định đối tượng nộp thuế:

“1. Đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân là cá nhân cư trú có thu chịu thuế quy định tại Điều 3 của Luật này phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam và cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 3 của Luật này phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam.

2. Cá nhân cư trú là người đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính trong một năm dương lịch hoặc tính theo 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam;

b) Có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam, bao gồm có nơi ở đăng ký thường trú hoặc có nhà thuê để ở tại Việt Nam theo hợp đồng thuê có thời hạn.

3. Cá nhân không cư trú là người không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.”

+ Tại Điều 3 quy định thu nhập chịu thuế:

Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân gồm các loại thu nhập sau đây, trừ thu nhập được miễn thuế quy định tại Điều 4 của Luật này:

“...2. Thu nhập từ tiền lương, tiền công, bao gồm:

a) Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công;

...”

- Căn cứ Điều 2 Thông tư 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 1 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số

65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân như sau:

“Điều 1. Người nộp thuế

Người nộp thuế là cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú theo quy định tại Điều 2 Luật Thuế thu nhập cá nhân, Điều 2 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế, thu nhập cá nhân (sau đây gọi tắt là Nghị định số 65/2013/NĐ-CP), có thu nhập chịu thuế theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế thu nhập cá nhân và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP.

Phạm vi xác định thu nhập chịu thuế của người nộp thuế như sau:

Đối với cá nhân cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả thu nhập;

...Đối với cá nhân không cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh tại Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập”

- Căn cứ Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân:

+ Tại khoản 2 Điều 2 quy định các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công:

“2. Thu nhập từ tiền lương, tiền công

Thu nhập từ tiền lương, tiền công là thu nhập người lao động nhận được từ người sử dụng lao động, bao gồm:

a) Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công dưới các hình thức bằng tiền hoặc không bằng tiền.

... đ) Các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền ngoài tiền lương, tiền công do người sử dụng lao động trả mà người nộp thuế được hưởng dưới mọi hình thức:

...”

+ Tại Điều 18 quy định căn cứ tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú:

“1. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định bằng thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công nhân (x) với thuế suất 20%.

2. Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định như đối với thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

...”

+ Tại Điều 25 quy định khấu trừ thuế và chứng từ khấu trừ thuế

“1. Khấu trừ thuế

Khấu trừ thuế là việc tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện tính trừ số thuế phải nộp vào thu nhập của người nộp thuế trước khi trả thu nhập, cụ thể như sau:

a) Thu nhập của cá nhân không cư trú

Tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập chịu thuế cho cá nhân không cư trú có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân trước khi trả thu nhập. Số thuế phải khấu trừ được xác định theo hướng dẫn tại Chương III (từ Điều 17 đến Điều 23) Thông tư này.

...”

Căn cứ những quy định nêu trên, theo trình bày của tại công văn hỏi của Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản, Công ty TNHH Chứng khoán Aizawa có cử nhân sự người nước ngoài sang công tác tại Việt Nam để học tập và tham khảo thực tế thị trường chứng khoán Việt Nam đáp ứng điều kiện là cá nhân không cư trú tại Việt Nam theo quy định tại Điều 1 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính thì:

- Trường hợp các khoản chi trả của Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản cho người lao động nước ngoài được xác định là thu nhập từ tiền lương, tiền công, các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền ngoài tiền lương, tiền công do người sử dụng lao động trả mà người nộp thuế được hưởng dưới mọi hình thức phát sinh tại Việt Nam theo quy định tại Điều 2 Thông tư 119/2014/TT-BTC thì Công ty có trách nhiệm khấu trừ 20% trước khi chi trả cho cá nhân theo quy định tại Điều 18 Thông tư 111/2013/TT-BTC.

- Trường hợp Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản (Công ty tại Việt Nam) chi trả hộ Công ty TNHH Chứng khoán Aizawa (Công ty tại Nhật Bản) theo thỏa thuận thu hộ, chi hộ giữa 2 bên các khoản chi phí cho cá nhân người lao động nước ngoài và không phát sinh các khoản thu nhập chịu thuế TNCN theo quy định tại Điều 3 Luật thuế TNCN số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007 của Quốc hội (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012 và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014) thì không thuộc đối tượng phải nộp thuế TNCN tại Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện chính sách thuế, trường hợp còn vướng mắc, đơn vị có thể tham khảo các văn bản hướng dẫn của Cục Thuế TP Hà Nội được đăng tải trên website <http://hanoi.gdt.gov.vn> hoặc liên hệ với Phòng Thanh tra - Kiểm tra số 8 để được hỗ trợ giải quyết.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TTKT 8;
- Phòng NVDTPC;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT(2).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Tiến Trường

